

Số: 274/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 06 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục 15 thủ tục hành chính lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước, kinh doanh khí, áp dụng giải quyết tại UBND cấp huyện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Lào Cai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công thương;

Căn cứ Quyết định số 2454/QĐ-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh khí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công thương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 151/TTr-SCT ngày 29 tháng 8 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 15 thủ tục hành chính lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước, kinh doanh khí, áp dụng giải quyết tại UBND cấp huyện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, bãi bỏ 09 thủ tục hành chính (TTHC số thứ tự 01 đến 03 lĩnh vực công nghiệp; TTHC số

thứ tự 01 đến 06 lĩnh vực thương mại) được công bố tại Quyết định số 3591/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai về việc công bố 12 thủ tục hành chính được chuẩn hóa tên và nội dung áp dụng giải quyết tại cấp huyện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công thương tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công thương, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Công thương;
- Cục Kiểm soát TTHC (VP Chính phủ);
- TT Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT3,4.



Đặng Xuân Phong




**DANH MỤC 15 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA
ÁP DỤNG GIẢI QUYẾT TẠI UBND CẤP HUYỆN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LAO CAI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)*


I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN


STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm Thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Thủ tục hành chính mới ban hành					
Lĩnh vực công nghiệp (03)					
1	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC Ủy ban nhân dân cấp huyện	1.100.000	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Theo thông tư 299/2016/TT-BCT ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh đề cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuộc lá
2	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC Ủy ban nhân dân cấp huyện	1.100.000	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Theo thông tư 299/2016/TT-BCT ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh đề cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuộc lá


STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm Thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	 <p>Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh</p>	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC Ủy ban nhân dân cấp huyện	1.100.000	<p>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.</p> <p>- Theo thông tư 299/2016/TT-BCT ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá</p>


Lĩnh vực thương mại (09)

				<p>a. Tại địa bàn thành phố:</p> <p>- Phí thẩm định:</p> <p>+ Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định.</p> <p>b. Tại các khu vực khác:</p> <p>Mức thu phí thẩm định bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại địa bàn thành phố.</p>	<p>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa</p>
4	Cấp giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC Ủy ban nhân dân cấp huyện		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm Thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	 Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
6	Cấp lại giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC Ủy ban nhân dân cấp huyện	1. Đối với trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: a. Tại địa bàn thành phố - Phí thẩm định: + Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định. + Đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định. b. Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại địa bàn thành phố. 2. Đối với trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng: Không quy định	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm Thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					
7	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC Ủy ban nhân dân cấp huyện	<p>a. Tại địa bàn thành phố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định: + Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định. + Đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định. <p>b. Tại các khu vực khác:</p> <p>Mức thu phí thẩm định bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại địa bàn thành phố.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
8	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
9	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC Ủy ban nhân dân cấp huyện	<p>1. Đối với trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:</p> <p>a. Tại địa bàn thành phố</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày


STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm Thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		hợp lệ.		<p>Phí, lệ phí (nếu có)</p> <p>- Phí thẩm định: + Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định. + Đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định.</p> <p>b. Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại địa bàn thành phố.</p> <p>2. Đối với trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng: Không quy định</p>	<p>26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa</p>
10	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC Ủy ban nhân dân cấp huyện	<p>* Tại địa bàn thành phố:</p> <p>- Phí thẩm định: + Đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định. + Đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định.</p> <p>* Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí cấp GCNDDK bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại địa bàn thành phố</p>	<p>- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa</p>


STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm Thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
11	 <p>Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai</p>	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC Ủy ban nhân dân cấp huyện	<p>* Tại địa bàn thành phố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định: + Đối với chủ thẻ kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định. + Đối với chủ thẻ kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định. <p>* Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí cấp GCNDDK bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại địa bàn thành phố</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/ND-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
12	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC Ủy ban nhân dân cấp huyện	<p>* Tại địa bàn thành phố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định: + Đối với chủ thẻ kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định. + Đối với chủ thẻ kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định. <p>* Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí cấp GCNDDK bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại địa bàn thành phố</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/ND-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm Thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<p align="center">II. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung</p>					
<p align="center">Lĩnh vực thương mại (03)</p>					
13	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC Ủy ban nhân dân cấp huyện	<p>* Tại địa bàn thành phố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định. * Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại địa bàn thành phố. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa



[Handwritten signature]

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm Thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
14	 <p>Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá</p>	<p>Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC Ủy ban nhân dân cấp huyện</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm Thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
15	 Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC Ủy ban nhân dân cấp huyện	1. Đối với trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực * Tại địa bàn thành phố: - Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm KD/lần thẩm định. * Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại địa bàn thành phố 2. Đối với trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng: Không quy định	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

Ghi chú: Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được tích hợp với các Quyết định công bố TTHC của Bộ Công Thương (Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017; Quyết định số 2454/QĐ-BCT ngày 10/7/2018)